

Số: *M* /2015/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày *24* tháng 8 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v sửa đổi, bổ sung Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 158/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 145/TTr-STNMT ngày 10 tháng 8 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh (có Phụ lục số 02 kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện:

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (T/hiện);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TTr. Tỉnh ủy;
- TTr.HĐND tỉnh;
- TTr. UBND tỉnh;
- Sở Tư Pháp;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Công Thông tin Điện tử tỉnh;
- Lưu VT; CV: CN, KT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đảm Văn Bông**

Phụ lục số 02:



**BẢNG TỶ LỆ QUY ĐỔI SỐ LƯỢNG KHOÁNG SẢN THÀNH PHẨM RA SỐ LƯỢNG  
KHOÁNG SẢN NGUYÊN KHAI ĐỐI VỚI MỘT SỐ DỰ ÁN KHAI THÁC  
KHOÁNG SẢN KIM LOẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**

*(Kèm theo Quyết định số: M /2015/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân tỉnh Hà Giang)*

STT	Tên dự án khai thác mỏ	Đơn vị tính	Hàm lượng (%)			Tỷ lệ quy đổi về khoáng sản nguyên khai		Ghi chú
			Chất có ích trong quặng đầu	Chất có ích trong tinh quặng	Chất có ích trong đuôi thải	Khoáng sản thành phẩm	Khoáng sản nguyên khai để tính phí BVMT	
<b>I</b>	<b>QUẶNG SẮT</b>							
1	Dự án khai thác khoáng sản mỏ sắt Sàng Thân, xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê	Tấn	48,38	60,56	23,08	1	1,48	
2	Dự án khai thác khoáng sản mỏ sắt Tùng Bá, xã Tùng Bá, huyện Vị Xuyên (giai đoạn I, II).	Tấn	42,24	60,15	16,85	1	1,71	
3	Dự án khai thác khoáng sản mỏ sắt Lũng Rầy, xã Thuận Hoà, huyện Vị Xuyên (kể cả phần mở rộng).	Tấn	46,63	61,0	15,0	1	1,45	
4	Dự án khai thác khoáng sản mỏ sắt Ngải Thầu Sắn, xã Quyết Tiến, huyện Quản Bạ.	Tấn	60,0	60,0	-	1	1	Quặng chi qua rửa sơ bộ nên không có đuôi thải
<b>II</b>	<b>QUẶNG CHÌ, KẼM</b>							
1	Dự án khai thác khoáng sản mỏ chì, kẽm Na Sơn, xã Tùng Bá, huyện Vị Xuyên.	Tấn	15,81	57,5	0,03	1	3,64	
2	Dự án đầu tư khai thác mỏ chì kẽm Bản Kẹp, xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê.	Tấn	19,52	63,35	1,02	1	3,37	

3	Dự án đầu tư khai thác mỏ chì kẽm Tà Pan, xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê.	Tấn	21,99	66,665	1,04	1	3,13	
4	Dự án đầu tư khai thác mỏ chì, kẽm Ao Xanh, xã Yên Bình, huyện Quang Bình.	Tấn	19,1	63,035	2,81	1	3,70	
<b>III QUẶNG ANTIMON</b>								
1	Dự án khai thác mỏ antimon Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh.	Tấn	11,19	99,85	2,0	1	10,65	
2	Dự án đầu tư khai thác mỏ quặng antimon Bản Trang, xã Xín Cái, huyện Mèo Vạc.	Tấn	7,25	98,27	1,64	1	17,22	
3	Dự án đầu tư khai thác mỏ antimon Phe Thán, xã Sơn Vĩ, huyện Mèo Vạc.	Tấn	6,97	98,27	1,64	1	18,13	
<b>IV QUẶNG MANGAN</b>								
1	Dự án đầu tư khai thác mỏ quặng mangan thôn Tân Bình, xã Ngọc Minh, huyện Vị Xuyên.	Tấn	15,26	21,67	3,83	1	1,56	
2	Dự án đầu tư khai thác mỏ quặng mangan thôn Nà Viên, xã Giáp Trung, huyện Bắc Mê.	Tấn	12,35	28,25	4,42	1	3,01	
3	Dự án đầu tư khai thác mỏ quặng mangan Bản Sám, xã Ngọc Minh, huyện Vị Xuyên.	Tấn	19,24	35,77	4,01	1	2,09	
4	Dự án đầu tư khai thác mỏ quặng mangan thôn Nà Pia, thị trấn Yên Phú, huyện Bắc Mê.	Tấn	17,63	31,32	3,7	1	1,98	
5	Dự án đầu tư khai thác mỏ quặng mangan Đồng Tâm, xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang.	Tấn	12,16	17,29	0,96	1	1,46	
6	Dự án đầu tư khai thác mỏ quặng mangan Bản Sám 2, thôn Bản Xám, xã Ngọc Minh, huyện Vị Xuyên.	Tấn	14,63	21,14	2,87	1	1,55	

9/2/21

7	Dự án đầu tư khai thác mỏ quặng mangan Lũng Chang, xã Ngọc Minh, huyện Vị Xuyên.	Tấn	12,36	26,59	1,99	1	2,37	
8	Dự án đầu tư khai thác mỏ quặng mangan Bản Sám 1, xã Ngọc Minh, huyện Vị Xuyên.	Tấn	20,0	37,64	4,96	1	2,17	
V	<b>QUẶNG THIẾC</b>							
1	Dự án khai thác khoáng sản mỏ thiếc, vonfram Tả Phìn - Tả Cô Ván, xã Hồ Quảng Phìn, huyện Đồng Văn.	Tấn	48,21	99,75	0,25	1	2,07	

9/10